

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2012/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2012

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ...5.102.....
	Ngày: ...19.17.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn,
xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015.

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Các thôn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi.
2. Các xã thuộc các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng có vùng dân tộc thiểu số sinh sống.

Điều 2. Tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn

Thôn đặc biệt khó khăn là thôn có đủ 3 tiêu chí sau:

1. Có đủ 2 điều kiện sau:
 - a) Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 55% trở lên; trong đó tỷ lệ hộ nghèo phải từ 25% trở lên.
 - b) Có ít nhất 2 trong 3 yếu tố sau:
 - Trên 80% lao động chưa qua đào tạo nghề.
 - Trên 50% số hộ không có nhà tiêu hợp vệ sinh.
 - Trên 30% số hộ thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
2. Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện:
 - a) Trên 20% số hộ thiếu đất sản xuất.
 - b) Trên 50% diện tích đất canh tác có nhu cầu tưới tiêu, nhưng chưa được tưới tiêu.

c) Có 1 trong 2 yếu tố:

- Chưa có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư thôn, bản.
- Dưới 10% số hộ làm nghề phi nông nghiệp.

3. Có đủ 2 điều kiện sau:

a) Chưa có đường giao thông từ thôn đến trung tâm xã được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới.

b) Có ít nhất 1 trong 3 yếu tố sau:

- Chưa đủ phòng học cho các lớp mẫu giáo theo quy định.
- Trên 30% số hộ chưa có điện sinh hoạt.
- Chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt chuẩn.

Điều 3. Xã thuộc vùng dân tộc và miền núi được xác định theo 3 khu vực: Xã khu vực III là xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhất; xã khu vực II là xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn nhưng đã tạm thời ổn định; xã khu vực I là các xã còn lại.

1. Tiêu chí xã khu vực III:

Xã khu vực III là xã có ít nhất 4 trong 5 tiêu chí sau:

a) Số thôn đặc biệt khó khăn còn từ 35% trở lên (tiêu chí bắt buộc).

b) Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 45% trở lên; trong đó tỷ lệ hộ nghèo phải từ 20% trở lên.

c) Có ít nhất 3 trong 5 điều kiện sau:

- Đường trục xã, liên xã chưa được nhựa hóa, bê tông hóa.
- Còn có ít nhất một thôn chưa có điện lưới quốc gia.
- Chưa đủ phòng học cho lớp tiểu học hoặc các lớp học ở thôn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Trạm y tế xã chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.
- Nhà văn hoá xã chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

d) Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện sau:

- Còn từ 30% số hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo nghề trên 60%.
- Trên 50% cán bộ chuyên trách, công chức xã chưa đạt chuẩn theo quy định.

đ) Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện:

- Còn từ 20% số hộ trở lên thiếu đất sản xuất theo quy định.
- Chưa có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư xã đạt chuẩn.
- Dưới 10% số hộ làm nghề phi nông nghiệp.

2. Tiêu chí xã khu vực II

Xã khu vực II là xã có ít nhất 4 trong 5 tiêu chí sau:

a) Có dưới 35% số thôn đặc biệt khó khăn (tiêu chí bắt buộc).

b) Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 20% đến dưới 45%; trong đó tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 20%.

c) Có ít nhất 2 trong 4 điều kiện sau:

- Đường trục xã, liên xã đến thôn chưa được nhựa hóa, bê tông hóa.
- Còn có thôn chưa có điện lưới.
- Chưa đủ phòng học cho lớp tiểu học hoặc các lớp học ở thôn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Trạm y tế xã chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

d) Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện sau:

- Có dưới 30% số hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh.
- Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo nghề từ 30% đến dưới 60%.
- Có từ 30% đến dưới 50% cán bộ chuyên trách, công chức xã chưa đạt chuẩn theo quy định.

đ) Có ít nhất 1 trong 2 điều kiện:

- Còn từ 10% đến dưới 20% số hộ thiếu đất sản xuất theo quy định.
- Chưa có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư xã đạt chuẩn.

3. Tiêu chí xã khu vực I

Là các xã còn lại thuộc vùng dân tộc và miền núi không phải xã khu vực III và xã khu vực II.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban dân tộc:

a) Thành lập Hội đồng tư vấn giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét, quyết định công nhận các thôn đặc biệt khó khăn, các xã khu vực I, II, III vùng dân tộc và miền núi; thành viên Hội đồng gồm đại diện của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Văn hoá, Thể thao và Du lịch và đại diện một số cơ quan, đoàn thể liên quan.

b) Quyết định công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 – 2015; hướng dẫn thực hiện việc xác định vùng dân tộc và miền núi theo đúng quy định.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ủy ban Dân tộc hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Căn cứ các tiêu chí quy định tại Quyết định này, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã điều tra thực tế, xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015; tổng hợp và báo cáo Ủy ban Dân tộc để xem xét và quyết định công nhận.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2012.

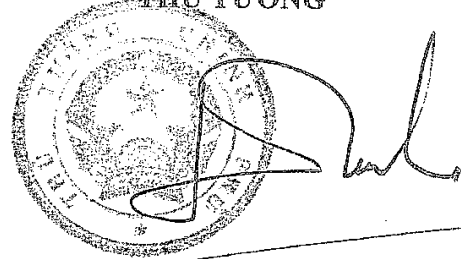
Bãi bỏ Quyết định số 393/2005/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc ban hành quy định tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HDND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐP (5b). *xh 300*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng